

**Bản thảo dành cho
Hội Thảo Hà – Đà Nẵng 28-30/7/2005
Xin tuyệt đối không đăng lại nơi khác
(trích đoạn hoặc toàn phần)**

**Bài viết cho hội thảo khoa học “Tiếp tục đổi mới để phát triển”
Phân tích tình hình và dự báo khả năng phát triển kinh tế của Trung Quốc –
suy nghĩ về tác động của nó đối với Việt Nam.**

*TS Nguyễn Minh Hằng
VAPEC Hà Nội*

Việc nghiên cứu về Trung Quốc ngày càng được coi trọng ở Việt Nam. Trước hết, trong việc tham khảo và học tập nước ngoài để rút ngắn con đường phát triển của mình, các nhà nghiên cứu Việt Nam nhận thấy rằng những bài học và kinh nghiệm xây dựng, phát triển đất nước của Trung Quốc là hết sức có ý nghĩa. Mặt khác, Trung Quốc là nước liền kề, nên mọi biến động của quốc gia này đều ảnh hưởng không nhỏ đối với nước ta. Sự nổi lên rất nhanh chóng của Trung Quốc đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ về chiều hướng của ảnh hưởng này và khả năng ứng biến của Việt Nam ta. Để góp phần làm rõ hai vấn đề nêu trên, bài viết này sẽ phân tích tình hình và dự báo khả năng phát triển kinh tế của Trung Quốc trong vài thập niên tới, đồng thời nêu ra một số suy nghĩ về tác động của nó đối với Việt Nam.

I. Kinh tế Trung Quốc những năm vừa qua

Các học giả Trung Quốc đều cho rằng thực tiễn diễn ra ở nước này 26 năm qua đã chứng minh sự đúng đắn của chính sách cải cách mở cửa, đồng thời là cơ sở quan trọng để đánh giá triển vọng tăng trưởng kinh tế của nước này.

Với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 9,4% suốt 26 năm liền, sự phát triển kinh tế của Trung Quốc đã trở thành một hiện tượng nổi bật trên thế giới. Tốc độ đó gấp 3 lần tốc độ trung bình của thế giới trong cùng thời kỳ, không những cao hơn các

nước có thu nhập thấp mà còn cao hơn các nước đang phát triển lớn khác như Ấn Độ, Ấn Độ, và hơn cả hai nền kinh tế công nghiệp hoá mới là Đài Loan và Hàn Quốc.

Bảng 1. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc và một số nước (1980 – 2000)

Đơn vị: %

Nguồn: Trung Quốc: *Niên giám thống kê Trung Quốc 2002*, Nxb Thống kê Trung Quốc, Bắc Kinh, 2¹002. Các nước khác: Ngân hàng thế giới, *World Economic Outlook, 2002*.

Trong mấy năm đầu của thế kỷ mới, tăng trưởng GDP của Trung Quốc cũng hết sức ngoạn mục, đã bước vào “Câu lạc bộ các nước có GDP đạt ngàn tỷ USD” với nhịp độ 7,3% năm 2001; 8% năm 2002; 9,1% năm 2003, và lên tới 9,5% vào năm 2004. Năm này GDP của Trung Quốc đã đạt được 1650 tỷ USD, khiến cho tổng lượng kinh tế đã vươn lên vị trí thứ 6 trên thế giới.

Mặc dù có những ý kiến cho rằng, tốc độ tăng trưởng trong các báo cáo chính thức của Chính phủ Trung Quốc hay của các tổ chức như Ngân hàng thế giới hoặc Quỹ Tiền tệ Quốc tế là cao hơn mức thực tế, nhưng điều đó không làm sai lệch mức so sánh đối với các nước khác. Trung Quốc vẫn có mức tăng trưởng cao nhất thế giới trong hơn 1/4 thế kỷ qua.

Từ năm 1978 đến nay, Trung Quốc đã bước vào giai đoạn xây dựng toàn diện xã hội khá giả. GDP bình quân đầu người tăng bình quân mỗi năm trên 8%, từ 300 USD tăng lên 1000 USD vào năm 2003, và đã vượt qua con số 1.200 USD vào năm 2004. Số người nghèo khổ ở nông thôn đã giảm từ 250 triệu xuống còn chưa đến 30 triệu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đã từ 20,6 tỷ USD năm 1978 tăng vọt lên 1154 tỷ USD vào năm 2004, gấp tới gần 60 lần sau 26 năm, vượt xa con số 1000 tỷ vốn là mức dự đoán

¹ Cục Thống kê Nhà nước Trung Quốc. *Công báo thống kê phát triển kinh tế – xã hội Trung Quốc năm 2003*, Tân Hoa Xã (BK) 26/2/2004; và 2004: Tân Hoa Xã (BK) 14/3/2005.

ban đầu cho năm 2020. Như vậy là Trung Quốc đã bỏ qua Nhật Bản, trở thành nước đứng thứ ba thế giới về ngoại thương, chỉ sau Mỹ và Đức. Tính đến cuối năm 2004, tổng mức dự trữ ngoại hối của Trung Quốc đạt mức khổng lồ: 609,9 tỷ USD.

Nền kinh tế xã hội Trung Quốc còn đầy rẫy bệnh hoạn, khó khăn, song có thể nói sự thành công là hết sức to lớn và nổi bật. Vậy những nhân tố nào làm nên sự tăng trưởng kinh tế ngoạn mục của Trung Quốc trong thời gian qua? Những phân tích sau đây sẽ giúp cho việc dự đoán vấn đề này thời gian tiếp theo.

Như đã biết, nguồn tăng trưởng của một nền kinh tế bao gồm ba nhân tố chủ yếu là vốn, lao động và năng suất của toàn bộ các nhân tố (TFP). Theo các số liệu so sánh, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc cũng như các nước khác chủ yếu dựa vào mức tăng của vốn (bảng 2). Đây là một hiện tượng bình thường đối với bất kỳ một quốc gia nào. Nhưng khác với các nước, năng suất toàn bộ các nhân tố của Trung Quốc lại có mức tăng trưởng cao, đạt gần 40% trong tăng trưởng GDP. Ngược lại tỷ trọng của tăng trưởng năng suất của nhân tố lao động lại tương đối thấp. Để hiểu rõ hơn vấn đề trên, có thể xem xét từng nhân tố thúc đẩy tăng trưởng GDP.

Bảng 2: ước tính tác dụng thúc đẩy của các nguồn lực đối với tăng trưởng GDP thời kỳ 1960 – 2000

Đơn vị: %

	<i>Mức tăng GDP</i>	<i>Tỷ lệ đóng góp</i>		
		<i>Vốn</i>	<i>Lao động</i>	<i>TFP</i>
Trung Quốc	9,4	4,4 (46,8)	1,3 (13,3)	3,7 (39,8)
Hàn Quốc	10,3	4,8 (44,2)	4,4 (42,2)	1,2 (11,6)
Singapore	8,5	6,2 (73,1)	2,7 (31,6)	-0,4 (-4,7)
Nhật Bản	6,8	3,9	1,0	2,0

		(56,9)	(14,3)	(28,8)
Mỹ	3,1	1,4	1,3	0,4
		(45,2)	(41,6)	(13,2)

Số trong ngoặc đơn là tỷ lệ đóng góp vào mức tăng trưởng GDP.

Nguồn: Trung Quốc: Lý Kinh Văn, *A Comparison of Chinese and US Productivity: Sino-American Economic and Trade Relations* Journal of Asian Economic, Vol 5, No1.p.85-97, 1994. Các số liệu khác từ: Barro Robert and Xavier Sla-l-Martin, *Economic Growth*, MIT Press Cambridge, MA, 1995.

Cũng như các nước đang phát triển khác, tăng trưởng GDP của Trung Quốc dựa nhiều vào tăng trưởng vốn – chủ yếu là từ đầu tư (bảng 3). Tuy nhiên có hai điểm đáng lưu ý ở đây là, *thứ nhất*, Trung Quốc duy trì được mức đầu tư cao cho dù thu nhập bình quân theo đầu người thấp. Năm 1998, mặc dù Trung Quốc là nước đứng thứ 129 về mức GDP theo đầu người, nhưng mức đầu tư lại cao hơn tất cả các nước đang phát triển khác. *Thứ hai*, mức đầu tư của Trung Quốc tương đối ổn định trong suốt một thời gian dài, kể cả khi cuộc khủng hoảng tài chính châu á xảy ra. Tỷ lệ đầu tư trung bình trong GDP giai đoạn 1987 – 1998 là khoảng 36,8%².

Bảng 3. Tỷ lệ đầu tư so với GDP của một số nước

	<i>Thứ tự GDP trên đầu người (1998)</i>	<i>1980 (%)</i>	<i>1998 (%)</i>
Trung Quốc	129	35	39
Hàn Quốc	55	32	35
Singapore	5	46	37
Ấn Độ	163	20	23
Malaysia	79	30	32
Thái Lan	91	29	35

² Cục Thống kê Nhà nước Trung Quốc, *Niên giám thống kê Trung Quốc 2002* – Nxb Thống kê TQ, 2002.

Nguồn: Ngân hàng thế giới, *Entering the 21st Century*, Oxford University Press, New York, 1999.

Đầu tư của Trung Quốc chủ yếu dựa vào hai nguồn chính là tiết kiệm gia đình cao và dòng tư bản nước ngoài chảy vào cao. Từ sau năm 1978, lượng tiết kiệm gia đình của Trung Quốc đã tăng lên nhanh chóng và trở thành nguồn quan trọng trong tổng tiết kiệm quốc gia. Năm 1978, tiết kiệm gia đình chỉ chiếm khoảng 5% GDP nhưng đến năm 1995, con số này đã tăng lên 41% và đạt trên 80% vào năm 2004. Như vậy tiết kiệm gia đình của Trung Quốc đã tăng lên cả về số lượng tuyệt đối lẫn tương đối. Theo các chuyên gia, điều này do một số nhân tố. Về mặt vi mô, người Trung Quốc có truyền thống tiết kiệm một lượng lớn thu nhập của họ. Đặc biệt khi nền kinh tế đang chuyển đổi, nhiều khả năng rủi ro làm cho tâm lý người dân muốn tăng tiết kiệm của mình đề phòng khi khó khăn. Bên cạnh đó, mức thu nhập của người dân bắt đầu tăng lên từ năm 1978 và nhà ở thành phố vẫn được trợ cấp càng làm tăng khả năng tiết kiệm của người Trung Quốc. Về vĩ mô, quá trình đô thị hoá mở rộng làm cho số dân ở thành thị tăng lên, những người này có thu nhập cao hơn người dân ở nông thôn nên họ tiết kiệm nhiều hơn. Số người lao động trong khu vực phi nhà nước, không được hưởng phúc lợi xã hội tăng lên, họ phải tiết kiệm thu nhập để chi dùng nếu bị thất nghiệp hoặc khi ốm đau. Thị trường chứng khoán phát triển đã biến tiền tiết kiệm của dân thành khoản đầu tư đáng kể.

Sau cuộc cải cách năm 1978, lượng tư bản từ bên ngoài đổ vào Trung Quốc ngày càng nhiều, đặc biệt đầu tư trực tiếp (FDI) thường chiếm gần 80% tổng số vốn đầu tư từ bên ngoài. Bởi vì đây là thị trường tiềm năng khổng lồ. So với nhiều nước khác và với hai nền kinh tế liền kề là Hồng Kông và Đài Loan, Trung Quốc có lợi thế giá đất thấp và giá lao động rẻ. Ví dụ, theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, thời gian 1995 – 1999 chi phí hàng năm cho 1 lao động trong ngành chế tạo ở Trung Quốc là 729 USD, ở Hồng Kông là 13539 USD (cao hơn 18,6 lần so với Trung Quốc), ở Nhật Bản là 31687 USD (cao hơn 43,5 lần so với Trung Quốc), ở Hàn Quốc là 10.743 USD (cao hơn 14,7 lần so với Trung Quốc). Bên cạnh đó, Chính phủ Trung Quốc có những biện pháp khuyến khích mạnh mẽ thu hút FDI. Hơn thế nữa, lực lượng người Hoa và Hoa kiều ở nước ngoài là một nguồn đầu tư lớn vào Trung Quốc. Có thể thấy tình hình qua một vài số liệu: tính đến cuối năm 2004, số vốn từ bên ngoài cam kết đưa vào Đại lục là hơn 1096 tỷ USD, số

đã thực hiện đạt hơn 562 tỷ. Riêng năm 2004 vốn cam kết đạt hơn 153 tỷ, FDI đã thực hiện đạt hơn 60 tỷ USD.³

Tăng trưởng lao động của Trung Quốc không đóng góp nhiều vào tăng trưởng GDP như các nước Đông á khác (bảng 2). Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng điều này là không chính xác vì thực tế cung lao động của Trung Quốc gián tiếp thúc đẩy sự tăng trưởng GDP của nước này. Lực lượng lao động đông đảo của Trung Quốc với mức lương thấp tạo lợi thế so sánh trên thị trường quốc tế. Hơn nữa, số liệu trong bảng 2 là được đo bằng số người lao động chứ không phải số giờ lao động. Số giờ lao động trên một lao động đã tăng lên vì số người làm việc trong khu vực phi nhà nước có xu hướng tăng giờ lao động của mình so với người làm việc trong khu vực nhà nước. Đồng thời, trong hai thập kỷ qua, số người lao động trong khu vực phi nhà nước đã tăng lên một cách nhanh chóng. Riêng số lao động làm trong các doanh nghiệp tư nhân, năm 1989 là chưa đầy 1,5 triệu thì năm 2000 đã tăng lên tới hơn 20 triệu người.⁴

Theo số liệu, tăng trưởng năng suất toàn bộ các nhân tố TFP có ý nghĩa rất lớn đối với tăng trưởng GDP của Trung Quốc. ý nghĩa sự tăng trưởng của TFP có thể xem xét trên ba khía cạnh, tái phân bổ nguồn lực, tăng chất lượng đầu vào và tiến bộ công nghệ. Các nguồn lực đã được phân bổ có hiệu quả hơn do những thay đổi về mặt cơ cấu trong việc sử dụng các nguồn lực từ các ngành năng suất thấp (như nông nghiệp) sang các ngành năng suất cao (như công nghiệp và dịch vụ). Từ năm 1978 đến nay, số lượng lao động trong nông nghiệp đã giảm từ 70% xuống còn 50% trong tổng số lao động, trong khi lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ tăng lên một cách tương ứng. Điều này đã làm giá trị sản lượng tính trên đầu người lao động của Trung Quốc tăng lên rất nhanh. Trong bản thân ngành nông nghiệp, cơ chế khoán thay cho chế độ công xã đã khuyến khích người nông dân tăng năng suất, tăng sản lượng. Mặc dù khó có thể xác định được một cách chính xác việc tái phân bổ nguồn lực làm lợi cho nền kinh tế Trung Quốc như thế nào, nhưng rõ ràng, lợi ích thu được là rất lớn (tuy nhiên việc tái phân bổ nguồn lực

³ Tân Hoa xã (BK) 14/3/2005.

⁴ Đới Kiện Trung, *Tìm hiểu về giới chủ danh nghiệp tư nhân Trung Quốc*, T/c Nghiên cứu Trung Quốc, Hà Nội, số 6/2002.

này chỉ là tác động một lần). Theo một số nghiên cứu, việc phân bổ lại lao động này đóng góp khoảng 11% mức tăng trưởng GDP của Trung Quốc.⁵

Một nhân tố khác tác động tới việc phân bổ lại các nguồn lực là kinh tế quy mô do việc mở cửa nền kinh tế ra thị trường bên ngoài, làm tăng mức chuyên môn hoá trên thị trường Trung Quốc. Điều này có thể thấy được qua tỷ lệ xuất khẩu so với GDP đã tăng từ 4,6% năm 1987 lên tới 19,1% năm 2000 và 35% vào năm 2004. Có thể chứng minh điều này qua một góc nhìn khác: năm 2000, với tổng kim ngạch 509,77 tỷ USD, độ phụ thuộc của ngoại thương Trung Quốc là 44%, lần lượt gấp 4,4 lần và 1,47 lần so với năm 1990 và 1995⁶. Nền kinh tế Trung Quốc đã thu được lợi ích không chỉ từ lợi thế của phân công lao động quốc tế mà còn từ cạnh tranh quốc tế, tư bản và công nghệ nước ngoài, tạo cơ sở cho tăng trưởng kinh tế và cải cách trong nước.

Một nhân tố nữa làm năng suất lao động tăng là chất lượng tư bản và lao động ở Trung Quốc tăng lên. Những công nghệ mới sau khi được chuyển vào Trung Quốc đòi hỏi phải đổi mới thiết bị và phải có một lực lượng lao động có kỹ năng. Chất lượng tư bản và chất lượng lao động ở Trung Quốc hơn hai thập kỷ qua có những tiến bộ đáng kể. Bằng chứng là trình độ giáo dục của lực lượng lao động đã tăng lên. Số lao động không biết chữ đã giảm từ 18,2% trong tổng số lực lượng lao động năm 1982 xuống chỉ còn ở mức không đáng kể hiện nay. Số lao động có trình độ trung học trở lên đã tăng từ 0,9% năm 1982 lên 3,5% năm 1997 và cao hơn nữa trong những năm sau đó. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, riêng giáo dục đã đóng góp tới 29% mức tăng trưởng GDP của Trung Quốc trong giai đoạn 1987 – 1995 và có thể cao hơn trong thời kỳ tiếp theo.

Tiến bộ công nghệ cũng nâng cao mức tăng trưởng TFP của Trung Quốc. Từ năm 1978, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều chính sách thúc đẩy tiến bộ công nghệ bằng việc định hướng lại công tác nghiên cứu và ứng dụng đối với các ngành công nghiệp mũi nhọn, khuyến khích dân sự hoá một số công nghệ quân sự và đặc biệt nhập khẩu rất nhiều công nghệ nước ngoài. Theo số liệu thống kê, chi phí cho R & D của Trung Quốc tăng từ 4,6 lên 52,6 tỷ NDT sau 20 năm từ 1978 đến 1998. Cũng sau 20 năm, số tiền Trung Quốc đầu tư để mua công nghệ mới đã tăng gấp hàng nghìn lần, lên đến 50 tỷ NDT. Việc đầu

⁵ Dẫn theo Kim Sa- Việt Hà, *Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc*. T/c Nghiên cứu Trung Quốc Hà Nội, số 4/2003.

⁶ Dẫn theo Kim Sa –Việt Hà, sđd

tư của Trung Quốc đặt trọng điểm vào những ngành mũi nhọn, đồng thời cũng tập trung vào các ngành truyền thống có tiềm năng cạnh tranh nhất.

Như vậy, có thể nói trong hơn 1/4 thế kỷ qua, đặc biệt mấy năm đầu thế kỷ XXI, sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã tạo ra mức tăng trưởng kinh tế bằng việc tăng vốn, tăng năng suất lao động thông qua việc tái phân bổ nguồn lực, phát triển nguồn vốn con người, hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Những điều ấy diễn ra trong môi trường quốc tế và trong nước tương đối thuận lợi, đặc biệt là sự đổi mới nhận thức và dũng cảm hành động của các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

II. Dự báo khả năng phát triển kinh tế của Trung Quốc trong những năm tới

Phân tích và dự báo về sự phát triển của Trung Quốc không phải là điều mới mẻ. Ngay từ những năm 1990 ở Trung Quốc và trên thế giới đã rộ lên những nghiên cứu dự báo về sự phát triển của nước này trong tương lai, đặc biệt trong 20 năm đầu thế kỷ XXI, bởi lẽ, như Báo cáo Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đại hội đầu tiên trong thế kỷ XXI đã khẳng định, xét trên bình diện toàn cục, đối với Trung Quốc, 20 năm đầu thế kỷ XXI là thời kỳ cơ may chiến lược quan trọng, Trung Quốc phải nắm chắc lấy và có thể làm nên nhiều việc lớn. Khi loài người bước vào thế kỷ mới thì Trung Quốc cũng bước vào giai đoạn phát triển mới: xây dựng toàn diện xã hội khá giả, đẩy mạnh công cuộc hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa. Tới năm 2020, tổng giá trị sản xuất trong nước (GDP) phải tăng gấp bốn lần so với năm 2000, sức mạnh tổng hợp và sức mạnh cạnh tranh quốc tế tăng lên rõ rệt.

Mục tiêu phát triển của Trung Quốc đến năm 2020 đã được giới nghiên cứu Trung Quốc cụ thể hoá như sau: *một là*, trong 20 năm (2001 – 2020) tăng GDP lên gấp bốn lần, tới năm 2020, tính theo giá không đổi, GDP của Trung Quốc bằng 16 lần năm 1978, trở thành thực thể kinh tế lớn nhất thế giới; *hai là*, sau 20 năm sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc từ chỗ bằng 1/3 Mỹ tăng lên bằng 1/2, trở thành cường quốc trên thế giới có năng lực chủ đạo trên cơ sở sức mạnh tổng hợp hùng mạnh; *ba là*, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt, từ chỗ là nước có mức thu nhập trung bình hoặc trên trung bình, số năm đi học và tuổi thọ tăng lên phổ biến, chỉ số phát triển của con người từ 0,72 hiện nay tăng lên 0,8 trở lên, xoá bỏ hiện tượng nghèo khổ tuyệt đối, xây dựng thành công xã hội khá giả “mọi người đều được giáo dục”, “mọi người đều được chăm sóc y tế”, mọi người cùng giàu có; *bốn là*, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế, đứng vào hàng ngũ 10 nước hàng

đầu thế giới”⁷. Trong 20 năm đầu thế kỷ XXI này, 10 năm đầu, mục tiêu phát triển của Trung Quốc được xác định là: cơ bản thực hiện công nghiệp hoá, cơ bản hình thành thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, hội nhập đầy đủ với nền kinh tế quốc tế, thu nhập bình quân tính theo đầu người đạt mức bình quân của các nước có thu nhập trung bình thấp, đời sống nhân dân ở mức trung bình khá, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên vị trí thứ tư trên thế giới sau Mỹ, Nhật Bản, EU.

Vậy căn cứ vào đâu các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc đề ra mục tiêu phát triển kinh tế cho năm 2020 và khiến cho hầu hết các nhà nghiên cứu về Trung Quốc, bao gồm cả chúng tôi, đều cho rằng mục tiêu đó có khả năng thực hiện được?

Có thể thấy rõ, nền kinh tế Trung Quốc sẽ phát triển với tốc độ cao liên tục hay rơi vào tình trạng trì trệ, thậm chí khủng hoảng, đổ vỡ, tùy thuộc rất lớn vào bối cảnh kinh tế chính trị thế giới và khu vực cùng điều kiện phát triển bên trong của đất nước Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng, trong những năm tới xu hướng chủ yếu là Trung Quốc sẽ phát huy được nhiều nhân tố tích cực trong và ngoài nước, những nhân tố bất ổn tiềm ẩn cũng rất lớn, có thể gây sóng gió cho sự phát triển của nước này, song Trung Quốc có khả năng vượt qua. Sau đây sẽ xem xét cụ thể:

1. Bối cảnh và điều kiện phát triển của Trung Quốc

a. Các nhân tố tích cực của thời đại mới đầu thế kỷ XXI có thể được Trung Quốc khai thác hiệu quả

Bối cảnh quốc tế hoà bình và xu thế toàn cầu hoá đang tạo cơ sở cho chiến lược dân giàu nước mạnh lấy phát triển kinh tế làm trung tâm của Trung Quốc. Chỉ cần không nổ ra chiến tranh qui mô thế giới, chỉ cần không xảy ra đụng độ giữa các quốc gia và khu vực xung quanh, thì Trung Quốc hoàn toàn có điều kiện tập trung sức mạnh để xây dựng kinh tế.

-Xu hướng đa cực hoá cũng có lợi cho Trung Quốc – một nước lớn, cũng là một nước đang phát triển, nước đi sau, có thể lợi dụng quan hệ giữa các cực để giành nhiều lợi ích cho đất nước và dân tộc.

⁷ Theo Hồ An Cường (Cb), *Trung Quốc: những chiến lược lớn*, bản dịch, Nxb Thông tấn Hà Nội 2003, tr26-27

-Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là sự xuất hiện của cuộc cách mạng công nghệ, các ngành nghề trên quy mô lớn sẽ tạo cơ sở tốt cho Trung Quốc phát huy tính đa dạng trong cơ cấu, lợi dụng ưu thế của nước đi sau trong việc thực hiện chiến lược đuổi và vượt, như người Trung Quốc nói: “Trung Quốc hoàn toàn có thể cười lên ngọng sóng tiên bộ khoa học kỹ thuật của thế giới, giương lên cánh buồm chấn hưng Trung Hoa”.

-Trong điều kiện toàn cầu hoá là xu thế không thể đảo ngược, sự liên kết kinh tế khu vực phát triển cũng sẽ tạo thuận lợi cho Trung Quốc mở rộng thị phần trên thị trường thế giới trong thế kỷ XXI.

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, tốc độ tăng trưởng của mậu dịch và đầu tư trên thế giới nâng cao rõ rệt. Nhiều nghiên cứu cho rằng, đó là kết quả của làn sóng toàn cầu hoá, của việc tổ chức lại thị trường thế giới và sự phát triển liên kết kinh tế khu vực; và đó cũng là thời cơ có lợi để các nước đi sau phát triển. Trong quá trình đó, vai trò của khu vực Đông á ngày càng tăng, không những mậu dịch và đầu tư trong nội bộ tăng nhanh, mà còn thu hút từ bên ngoài vào khu vực một lượng hàng hóa và các yếu tố sản xuất, đó là một thời cơ rất tốt đẹp thúc đẩy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng. Nhiều nhà kinh tế cho rằng Trung Quốc đang trở thành động lực tăng trưởng đối với các nền kinh tế Châu á. Điều này cho thấy sự trỗi dậy của Châu á thúc đẩy sự trỗi dậy của Trung Quốc, mà sự trỗi dậy của Trung Quốc lại kéo theo sự trỗi dậy của Châu á; mối quan hệ đó hình thành là kết quả của tác dụng tổng hợp các nhân tố địa lý, kinh tế, văn hóa..., nó có tính tất yếu lâu dài.

- Sự hình thành vành đai kinh tế Trung Hoa và sự lớn mạnh của nền kinh tế người Hoa hải ngoại sẽ có ảnh hưởng toàn diện đối với sự phát triển kinh tế và tiến vào thị trường quốc tế của Trung Quốc. Sau khi Hồng Kông và Ma Cao trở về với Trung Quốc, quan hệ kinh tế giữa Đài Loan và Đại Lục ngày càng phát triển mạnh. Vành đai kinh tế Trung Hoa gồm Trung Quốc Đại lục, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan mà trung tâm là Đại lục đang hình thành; cùng với sự lớn mạnh không ngừng của Đại lục và sự phát triển toàn diện của cải cách mở cửa, mối liên hệ tự nhiên và chặt chẽ giữa kinh tế Trung Quốc với nền kinh tế người Hoa ở khu vực Đông á sẽ tăng lên, cộng thêm với nền kinh tế người Hoa rải rộng khắp thế giới, có thể kết thành một hệ thống lớn mạnh về tài nguyên, tiền vốn, kỹ thuật và thị trường, trợ giúp cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Sự

đóng góp của người Hoa ở nước ngoài là điều kiện thuận lợi, độc đáo đối với sự phát triển kinh tế của Trung Quốc mà các nước lớn khác không có được, đó cũng là con đường quan trọng để Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng trên thị trường quốc tế.

- Sự thay đổi kết cấu tăng trưởng kinh tế trên thế giới có lợi cho việc Trung Quốc đuổi kịp và vượt trình độ tiên tiến quốc tế. Điều đó chủ yếu biểu hiện ở hai mặt: *một là*, trung tâm tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tiếp tục chuyển về khu vực châu Á - Thái Bình Dương; xu thế thay đổi đó là lâu dài, theo quy luật phát triển thay thế nhau của các nền văn minh khác nhau của loài người. Trung Quốc đang ở vào vị trí trung tâm kinh tế vùng châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời lại là nơi bắt nguồn của nền văn minh phương Đông, do đó xu thế thay đổi này có thể tạo cơ hội lịch sử cho Trung Quốc đẩy nhanh sự phát triển. *Hai là*, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong tương lai của các nước công nghiệp phương Tây sẽ không cao, dự đoán mức tăng trưởng bình quân trong 20 năm tới sẽ chỉ bằng non một nửa của Trung Quốc. Xu thế phát triển kinh tế phương Tây tăng trưởng thấp kéo dài và kinh tế Trung Quốc tăng trưởng cao kéo dài, có lợi cho việc Trung Quốc có thể tận dụng đầy đủ tiềm lực bên trong và điều kiện bên ngoài, rút ngắn dần khoảng cách về kinh tế kỹ thuật với trình độ tiên tiến quốc tế, thực hiện chính sách đuổi và vượt tương đối nhanh.

b. Các điều kiện thuận lợi trong nước tiếp tục được phát huy

- Thành công rực rỡ của công cuộc cải cách mở cửa nền kinh tế Trung Quốc hơn 1/4 thế kỷ qua cho thấy Trung Quốc đã tạo được những tiền đề chính trị và điều kiện về chế độ để giữ cho kinh tế phát triển nhanh, lâu dài bền vững và xã hội tiến bộ toàn diện. Việc Đặng Tiểu Bình đưa ra quan điểm “phát triển là điều khẳng định” và tiêu chuẩn của “ba cái có lợi” cùng các lý luận dựa trên các cơ sở đó như lý luận về thời cơ, lý luận về phát triển, về các bước đi, về cải cách, mở cửa, về ổn định... được sự hưởng ứng nhiệt thành của nhân dân Trung Quốc, và được Đại hội lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa vào nghị quyết, coi như lý luận chỉ đạo công cuộc cải cách mở cửa của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, càng khẳng định tiền đề chính trị vững chắc của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. Thuyết “Ba đại diện” của Giang Trạch Dân là sự tiếp nối những ý tưởng cải cách mở cửa sâu rộng hơn nữa nhằm khai thác tối ưu mọi nguồn lực của đất nước để chấn hưng dân tộc Trung Hoa đã được Đại hội XVI khẳng định là

phương châm chiến lược hành động của toàn Đảng toàn dân hiện nay. Với tiền đề chính trị trên, sự hoàn thiện của thể chế kinh tế thị trường XHCN sẽ đảm bảo hiệu quả hơn cho việc phân bổ các nguồn lực, nâng cao chất lượng hoạt động kinh tế.

- Kinh tế Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XXI vẫn ở trong giai đoạn tăng trưởng nhanh, trong đó 20 năm đầu tốc độ tăng trưởng bình quân tương đối cao. Căn cứ của dự báo này là: *một là*, Trung Quốc đã tích lũy được những kinh nghiệm xây dựng phong phú và được đảm bảo bằng thể chế không ngừng được hoàn thiện và xã hội ổn định; *hai là*, có cơ sở vật chất kỹ thuật được tích lũy tương đối hùng hậu, và được đảm bảo bằng tỷ lệ tích lũy tương đối cao; *ba là*, tính chất độc đáo của giai đoạn phát triển, đó là thời kỳ chuyển đổi cơ cấu công nghiệp, cơ cấu kinh tế vùng đang không cân đối và tiềm lực thị trường ngày càng được mở ra; *bốn là*, Trung Quốc là một nước đang phát triển, được hưởng lợi thế của nước đi sau.

- Việc điều chỉnh cơ cấu ngành nghề ở Trung Quốc vẫn còn nhiều tiềm năng. Khu vực II dẫn đầu phát triển là cơ sở để kinh tế tăng trưởng nhanh chóng. Dù là xét về trình độ hiện tại của tiến bộ công nghệ hay của cơ cấu ngành nghề, thì sự phát triển của khu vực II vẫn còn một đoạn đường dài để phát triển.

- Số dân tăng và mức tiêu dùng tính theo đầu người nâng cao sẽ mở rộng dung lượng thị trường một cách mạnh mẽ, đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng tăng lên và đa dạng hóa sẽ cải thiện cơ cấu thị trường, tạo sức đẩy to lớn đối với sản xuất, kích thích tăng trưởng kinh tế trong nước, làm tăng sức hấp dẫn của thị trường Trung Quốc đối với thế giới.

- Nếu nghiên cứu vấn đề dưới góc độ xem xét các nhân tố phát triển thì cũng sẽ rút ra được các kết luận tương tự vì:

+ Mức tích lũy tương đối cao sẽ duy trì trong một thời gian khá dài, theo các nhà nghiên cứu Trung Quốc, sẽ không dưới 30% trong 20 năm tới, sau đó mới giảm nhưng cũng không thể dưới 24%. Căn cứ của dự báo này là truyền thống văn hóa tiết kiệm của dân tộc Trung Hoa, là sự tiêu dùng theo kiểu “sống vỡ sống” của một nước lớn, có tương đối nhiều cơ hội đầu tư, tích lũy bên trong của bản thân nền kinh tế Trung Quốc, về cơ bản có thể thoả mãn đòi hỏi của sự phát triển tương đối nhanh của nền kinh tế, nếu

cộng thêm nguồn vốn tăng lên nhờ đầu tư từ bên ngoài, thì trong 20 năm tới Trung Quốc vẫn đứng trong hàng ngũ có mức tích lũy cao trên thế giới.

+ Kinh tế tăng trưởng bền vững chủ yếu nhờ vào tăng năng suất của toàn bộ các nhân tố sản xuất (TFP). Theo các nhà khoa học Trung Quốc, trong thời gian tới, TFP của Trung Quốc sẽ tăng khá, vì

Trước hết cải cách kinh tế được đẩy mạnh, hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực sẽ được cải thiện. Trung Quốc chủ trương kiên quyết loại bỏ độc quyền, loại bỏ hàng rào địa phương, thực hiện cạnh tranh công bằng, đẩy mạnh cải cách các doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp phi nhà nước. Sẽ đẩy mạnh quá trình lưu động và chuyển dịch sức lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp, thúc đẩy quá trình đô thị hoá.

Hai là, đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật. Tích cực khuyến khích và mua bằng sáng chế kỹ thuật, như nhà nước có thể trực tiếp mua bản quyền phát minh của công dân và của các tổ chức để khuyến khích họ tiếp tục phát minh kỹ thuật. Mấu chốt thúc đẩy kinh tế tăng trưởng là thúc đẩy ngành kỹ thuật mới phát triển một cách nhanh chóng. Điều đó chẳng những có lợi cho việc điều chỉnh cơ cấu ngành, mà còn nảy sinh tác dụng lan tỏa sang các lĩnh vực khác.

Ba là, mở cửa kinh tế mạnh mẽ. Thực hiện tự do hóa thương mại và tự do hóa đầu tư, đẩy mạnh nhập khẩu hàng loạt sản phẩm là tài nguyên khan hiếm ở trong nước như dầu mỏ, hơi đốt, quặng sắt, gỗ, bột giấy, nguyên liệu hóa chất và nông sản sử dụng nhiều ruộng đất, nhập khẩu các sản phẩm tư bản và sản phẩm kỹ thuật, triệt để sử dụng tài nguyên, vốn và kỹ thuật toàn cầu. Tích cực khuyến khích xuất khẩu, triệt để sử dụng nguồn lao động của Trung Quốc, xuất khẩu các thành phẩm thâm dụng lao động. Tích cực thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ.

c. Những thách thức và bất lợi trên trường quốc tế và trong nước

Trên trường quốc tế, Trung Quốc vấp phải không ít khó khăn:

-Hội nhập kinh tế toàn cầu, trong một thời gian tương đối dài Trung Quốc sẽ ở vào thế yếu trong cạnh tranh quốc tế, và các nước phát triển phương Tây sẽ dựa vào ưu thế kinh tế kỹ thuật của họ, tiếp tục gây sức ép với Trung Quốc trên lĩnh vực kinh tế.

-Nhiều vấn đề đối ngoại ảnh hưởng đến đại cục Trung Quốc, chủ yếu nhất là:

+ Quan hệ Trung – Mỹ: cho đến nay Mỹ luôn luôn giữ thế của siêu cường duy nhất, không cho phép bất cứ nước nào vượt mình hay bằng mình. Còn Trung Quốc lại đưa ra chủ nghĩa đa cực, đối chọi với Mỹ. Do đó chiến lược bao vây Trung Quốc của Mỹ sẽ không thay đổi trong nhiều năm tới. Quan hệ Trung – Mỹ tiếp tục là mối quan hệ không ổn định, “sớm nắng chiều mưa”, có lúc hoà dịu, hợp tác, có lúc cạnh tranh, đối kháng.

+ Vấn đề Đài Loan: nhà cầm quyền Đài Loan vẫn tiếp tục đẩy Đài Loan trượt xa trên con đường “độc lập”, việc thống nhất bằng con đường hoà bình là chưa thấy rõ. Nếu tình hình kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ kinh tế hai bờ và sự phát triển kinh tế xã hội của Đại lục.

+ An ninh xung quanh: Trong chính sách ngoại giao, sau các nước lớn, Trung Quốc coi trọng quan hệ hữu nghị với các nước xung quanh. Tuy nhiên, môi trường xung quanh của Trung Quốc có nhiều nhân tố bất ổn định, không an toàn, như cuộc khủng hoảng hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên; quan hệ với Ấn Độ tuy đã tan băng nhưng vẫn còn tranh cãi về biên giới; các phần tử chống đối ở Tây Tạng có đại bản doanh tại Ấn Độ vẫn hoạt động ráo riết; với các nước Đông Nam Á vẫn còn nhiều tranh chấp va chạm về lãnh thổ...

Mặt khác *những thách thức bên trong* đặt ra trước Trung Quốc là rất nghiêm ngặt, trực tiếp đe dọa sự tăng trưởng kinh tế bền vững và sự ổn định xã hội.

-Về tài nguyên thiên nhiên, Trung Quốc đứng vào hàng thứ ba trên thế giới về tổng lượng, nhưng tính theo đầu người thì thấp xa so với mức trung bình, chỉ xếp vào hàng thứ 120. Cùng với sự phát triển của kinh tế, nhu cầu về năng lượng, nguyên liệu sẽ tăng lên, mâu thuẫn cung cầu sẽ càng nổi bật.

-Dân số quá đông, sức ép về việc làm tăng mạnh. Các nhà khoa học Trung Quốc dự đoán đỉnh cao của sự gia tăng dân số mới có thể xảy ra vào những năm 2030, tổng số sẽ đạt trên 1,5 tỷ. Mỗi năm số người cần việc làm sẽ tăng thêm 10 triệu. Đồng thời, sức lao động dư thừa ở nông thôn, mỗi năm cần di chuyển ít nhất 6 triệu người; những nhân viên dôi ra ở thành phố mỗi năm cũng đến gần 2 triệu người. Như vậy 20 năm đầu thế kỷ XXI Trung Quốc cần có thêm khoảng 400 triệu chỗ làm việc, mỗi năm trung bình cần có 20 triệu việc làm. Mặt khác, tố chất con người hiện nay thấp, khó đáp ứng được đòi hỏi của nền kinh tế phát triển nhanh. Bên cạnh đó dân số Trung Quốc hai thập niên tới sẽ bị

già hoá do chính sách hạn chế sinh đẻ, làm cho mức tiêu dùng tăng lên. Mức tăng dân số thấp trong những năm qua cũng tạo ra những mất cân đối trong tương lai, cung lao động của Trung Quốc sẽ giảm đi trong vòng hai thập kỷ tới. Việc gia nhập WTO sẽ làm cho nước này phải áp dụng một số tiêu chuẩn lao động và môi trường đối với sản phẩm, lợi thế của Trung Quốc về lao động giá rẻ sẽ giảm dần.

-Trình độ khoa học công nghệ lạc hậu, khả năng cạnh tranh không mạnh, mức đóng góp của khoa học công nghệ chưa đến 30%, chênh lệch rất lớn so với mức tiên tiến quốc tế. Trình độ công nghệ các ngành chủ yếu của Trung Quốc vẫn lạc hậu. Trung Quốc đã đầu tư đáng kể cho công tác đào tạo và R & D, tuy nhiên mức đó vẫn dưới mức trung bình của thế giới.

-Các loại mâu thuẫn do chuyển đổi mô hình kinh tế xã hội tăng lên khiến các khó khăn càng chồng chất. Những nhân tố như lạm phát, thất nghiệp, chênh lệch thu nhập, tham nhũng... làm tăng mâu thuẫn, làm mất ổn định xã hội.

2. Các dự đoán về tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc

Sự tăng trưởng nhanh chóng liên tục của Trung Quốc suốt 26 năm qua, ngay cả trong những năm nở ra cuộc khủng hoảng tiền tệ Đông á, đặc biệt là từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, đã củng cố lòng tin của các nhà nghiên cứu về tương lai tăng trưởng kinh tế của nước này. Phần lớn các dự đoán là theo xu hướng lạc quan, mặc dù các nghiên cứu định lượng của nhiều cá nhân và tổ chức không có kết quả đồng nhất. Ví dụ, năm 1997, Ngân hàng Thế giới dự đoán năm 2020 GDP của Trung Quốc sẽ gấp 3,33 lần năm 2001; năm 2001 Công ty Rand của Mỹ dự đoán gấp 2,65 lần; năm 2002 Trung tâm Nghiên cứu Phát triển thuộc Quốc Vụ Viện Trung Quốc dự đoán gấp 4 lần. Hầu hết các nhà nghiên cứu của Trung Quốc đều dự đoán sẽ đạt đúng mục tiêu, tức là gấp 4 lần. Cụ thể như sau:

Bảng 4. Những dự đoán khác nhau về tỷ lệ tăng trưởng kinh tế dài hạn của Trung Quốc

Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm	Bội số GDP 2020/2001		
		2001-2010	2010-2020

Ngân hàng thế giới (1997) a	6,9	5,5	3,33
RAND (2001) b	4,8	6,6	2,65
Tổ chức Năng lượng Thế giới (2002) c	5,7	4,7	2,76
Trung tâm nghiên cứu phát triển QVVTQ (2002) d	7-7,9	5,6-6,6	4
Hồ An Cương (2002) e	7,3-8,3	6,3-7,3	4

Nguồn: a. Ngân hàng Thế giới: *Trung Quốc năm 2020*, bản dịch, NXB Khoa học xã hội Hà Nội, 2001.

b. Charler Wolf, Jr. Anil Bamezai, K.C. Yeh, and Benjamin Zycher, 2000, *Asian Economic Trends and Their Security Implication*, RAND, Arroyo Center.

c. International Energy Agency, 2002, *China Energy Outlook*, IEA.

d và e: Theo Hồ An Cương, *Trung Quốc – những chiến lược lớn*, bản dịch, Nxb Thông tấn Hà Nội, 2003.

Để rộng đường tham khảo, xin xem thêm các bảng sau:

Bảng 5. Các dự đoán về tăng trưởng GDP của Trung Quốc

	Mức tăng DGP (%)
<i>Ngân hàng thế giới</i>	
2001-2010	6,9
2011-2020	5,5
<i>Viện KHXH Trung Quốc</i>	
2000-2010	7,8
2010-2020	7,0
2020-2030	6,3
<i>Lý Kinh Văn</i>	
2001-2010	8,1
2011-2030	6,0
2030-2050	4,5

Nguồn: Ngân hàng Thế giới. *Trung Quốc 2020...* Tlđđ. Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc: *Cơ hội và thách thức: nghiên cứu mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế và xu hướng phát triển kinh tế của Trung Quốc khi bước vào thế kỷ XXI*, NXB Khoa học Xã hội Trung Quốc (Bắc Kinh), 1995. Lý Kinh Văn: *Những xu hướng chung của nền kinh tế Trung Quốc trong thế kỷ XXI*, NXB Nhân dân, Liêu Ninh, 1998. Tổng Quốc Khánh: *Dự đoán tăng trưởng kinh tế Trung Quốc thập kỷ sau*. Thế giới quản lý (Trung Quốc) 11-1999.

Bảng 6. Tỷ lệ tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của Trung Quốc trong các thời kỳ khác nhau (%)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>1952-1978</i>	<i>1978-1995</i>	<i>1995-2000</i>	<i>2000-2010</i>	<i>2010-2020</i>
	<i>(a)</i>	<i>(a)</i>	<i>(b)</i>	<i>(c)</i>	<i>(c)</i>
Dân số	2,0	1,4	0,9	0,7	0,5
GDP	6,1	9,9	8,3	7,3- 8,3	6,3 - 7,3
GDP bình quân đầu người	4	8,4	7,4	6,6- 7,6	5,8- 6,8
Việc làm	2,6	2,6	0,9	1	0,7
Năng suất lao động	3,5	7,1	7,4	6,3- 7,3	5,6- 6,6

Nguồn: a. Cục thống kê nhà nước: *Năm mươi năm (1949-1999) nước Trung Quốc mới*, Nxb Thống kê Trung Quốc, 2000.

b. *Trích yếu thống kê Trung Quốc (2002)*

c. Hồ An Cương dự tính – sđđ.

Một số dự báo của Trung Quốc cho rằng năm 2020, Trung Quốc sẽ trở thành thực thể kinh tế lớn nhất thế giới, chiếm 22% GDP của thế giới, cao hơn của Mỹ (của Mỹ là 20%). Các học giả phương Tây cũng có những đánh giá cao về khả năng phát triển của Trung Quốc. Theo dự báo của một số học giả Mỹ, tính theo giá không đổi năm 1990, tới năm 2015 GDP của Trung Quốc sẽ vượt Mỹ, tỷ trọng GDP của Mỹ trong GDP thế giới là

17,3%, còn của Trung Quốc là 17,4%. Theo dự báo (1997) của Ngân hàng Thế giới, tới năm 2020 GDP của Trung Quốc sẽ vượt Mỹ⁸. Còn theo tờ *Newsweek* số ra ngày 18/2/2002, một số nhà kinh tế dự đoán rằng khoảng đến năm 2020 nền kinh tế Trung Quốc sẽ có quy mô lớn như quy mô hiện nay của nền kinh tế Mỹ; rằng thực tế cho thấy bản đồ kinh tế khu vực đang được vẽ lại, trong đó không phải là Nhật Bản mà là Trung Quốc chiếm vị trí trung tâm⁹. (Tuy nhiên, về mặt số lượng có thể là như vậy, nhưng về chất lượng phát triển thì mọi dự báo về Trung Quốc đều cho rằng, đến năm 2020 Mỹ vẫn là nước dẫn đầu thế giới).

Phía trên đều là các dự báo về triển vọng phát triển hùng mạnh của nền kinh tế Trung Quốc trong hai ba chục năm tới, song ngược lại cũng có không ít những dự báo về khả năng đổ vỡ của nền kinh tế khổng lồ này. Tạp chí *Tiền tiêu* (HK) số tháng 7/2002 đăng bài của một học giả Trung Quốc nổi tiếng, cho rằng tình hình Trung Quốc hiện nay mất ổn định rất nghiêm trọng, với những đặc trưng nổi bật là: điều chỉnh kết cấu kinh tế quy mô lớn nhất thế giới, làn sóng mất việc làm và thất nghiệp lớn nhất thế giới, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn rõ nét nhất thế giới, hệ số tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới đi đôi với tổn thất kinh tế và tham nhũng nghiêm trọng nhất thế giới, phá hoại môi trường sinh thái với phạm vi lớn nhất thế giới. Qua thăm dò dư luận, năm 2000 có khoảng 26,7% dân thành thị không hài lòng với cuộc sống hiện tại, năm 2001 con số này tăng lên 33,6%. Theo ông, hàng triệu người bất mãn với cuộc sống hiện tại là thùng thuốc nổ chậm đối với Trung Quốc¹⁰. Một giáo sư thuộc Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc Trường Đại học Thanh Hoa cho rằng, Trung Quốc trong tương lai vẫn chứa nhiều nhân tố không xác định, hy vọng về sự ổn định rất lớn, nhưng khả năng xấu nhất vẫn tồn tại và nó sẽ bùng nổ khi xảy ra khủng hoảng sâu sắc toàn diện về kinh tế, chính trị hoặc xã hội, giống như thanh củi khô đốt cháy toàn bộ sự nghiệp.¹¹

Một số học giả xét đến những yếu tố bất ổn tiềm ẩn, những mâu thuẫn kinh tế xã hội tích góp lại qua hơn hai thập niên phát triển liên tục tốc độ cao, đặc biệt là hai năm gần đây kinh tế phát triển quá nóng đang làm căng thẳng mọi vấn đề kinh tế xã hội vốn đã nổi cộm, đã lo ngại rằng, giai đoạn 2005-2010 sẽ là thời kỳ sóng gió.. Theo kết quả

⁸ Theo Hồ An Cường, sdd.

⁹ Xem George Wehrfritz và Mahlon Meyer, *Không thoát khỏi Trung Quốc*, T/c *Newsweek* 18/2/2002.

¹⁰ *Một vài dự đoán về tình hình Trung Quốc tới đây*, TTXVN (Hà Nội 29/7/2002)... Dẫn từ TLTKĐB 31/7/2002, tr8.

¹¹ *Một vài dự đoán...*, sdd.

điều tra 98 vị chuyên gia chính phủ và phi chính phủ ở Trung Quốc gần đây về triển vọng kinh tế xã hội Trung Quốc từ nay đến 2010, đại đa số cho rằng thời kỳ 2005-2010 là thời kỳ tương đối rủi ro về phát triển kinh tế xã hội – thời kỳ sẽ phát sinh nhiều khủng hoảng, trong đó 66,23% số người được hỏi cho rằng sẽ có khủng hoảng nghiêm trọng, 33,72% số người cho rằng sẽ không nổ ra khủng hoảng.¹²

Ba lĩnh vực lớn có nhiều khả năng nổ ra khủng hoảng, đó là khủng hoảng xã hội do những nhân tố như chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, vấn đề thất nghiệp, vấn đề nông dân, vấn đề cuộc sống tối thiểu, vấn đề giáo dục không được giải quyết thỏa đáng; khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là khủng hoảng tài chính; và khủng hoảng môi trường.

“*Ngòi nổ*” *khủng hoảng* có thể bắt nguồn từ tình trạng tham nhũng hiện đang rất nghiêm trọng. Giáo sư Đinh Nguyên Trúc, Đại học Bắc Kinh, người chủ trì công trình điều tra nghiên cứu trên cho rằng trước hoặc sau năm 2010, các vấn đề như thất nghiệp, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, mâu thuẫn về hình thái ý thức bắt đầu nổi lên và hội tụ với nhau, các mâu thuẫn này lại được kích thích bởi “ngòi nổ” tham nhũng, do vậy nguy cơ dẫn đến khủng hoảng là rất lớn.¹³

Thời gian bùng nổ khủng hoảng có thể sẽ xảy ra sau Thế vận hội 2008. Lý do của lập luận này chủ yếu là Thế vận hội 2008 mở ra cơ hội lớn cho trào lưu dân chủ phương Tây tràn vào đất nước hơn một tỉ dân này, nó sẽ kích thích các ngòi nổ vốn đã âm ỉ lâu ngày bùng phát.

Khả năng khủng hoảng bùng nổ dẫu sao vẫn là khả năng. Nó sẽ không xảy ra nếu như biết trước và có biện pháp ngăn chặn sớm. Về mặt này các học giả Trung Quốc đã đưa ra một số kiến nghị, như:

-Điều chỉnh chính sách vĩ mô, phòng ngừa rủi ro tài chính. Trước năm 2010, cần khống chế tốc độ tăng trưởng quá nhanh của nền kinh tế. Ví dụ, mức tăng trưởng hàng năm không được vượt quá 8% - 8,5%; tiến hành điều chỉnh và có sự trù tính đối với các biện pháp cải cách, tránh không để tình trạng hệ thống tài chính tương đối yếu kém hiện nay mang lại gánh nặng lớn cho xã hội.

¹² Đinh Nguyên Trúc. *Năm 2010: 3 khả năng đối với Trung Quốc- điều tra 98 vị chuyên gia chính phủ và phi chính phủ Trung Quốc*, T/c Chiến lược và quản lý (TQ), số 4/2004.

¹³ *Trung Quốc bước vào thời kỳ phát sinh nhiều khủng hoảng*, đăng trên tờ “Tin báo”, dẫn từ Văn Kiện, p/v TTXVN tại Hồng Kông, Kinh tế quốc tế số 05/2005.

-Hoàn thiện pháp chế, bảo đảm tính công bằng trong cải cách, xây dựng hệ thống an toàn xã hội. Việc đẩy nhanh tiến độ cải cách chế độ phân phối thu nhập cần phải trở thành trọng điểm cải cách trước năm 2010, từng bước loại bỏ trở ngại mang tính cơ chế phân biệt giữa thành thị và nông thôn, loại bỏ chính sách mang tính kỳ thị đối với công nhân, nông dân trên các lĩnh vực tạo việc làm, giáo dục, hộ khẩu, bảo hiểm xã hội. Trọng tâm giải quyết vấn đề thất nghiệp trước năm 2010 là nhằm vào số người sinh sống tại khu vực miền Tây kém phát triển, các cơ sở công nghiệp cũ và khu vực thiếu thốn tài nguyên, đang gặp rất nhiều khó khăn do mất việc làm trong thời gian dài.

-Cải tiến mô thức tăng trưởng và mô thức tiêu dùng, tăng cường tận dụng hiệu quả tài nguyên. Cần phải tiếp tục tìm tòi và nghiên cứu phương thức sống và phát triển bền vững mang màu sắc Trung Quốc, tránh lặp lại mô thức tiêu dùng lãng phí tài nguyên đã từng phổ biến ở các nước phát triển. Trong quá trình này, chính sách can dự tất yếu của chính phủ là vấn đề rất cần thiết.

Ngoài ra, các học giả Trung Quốc còn cảnh báo: chỉ có kế hoạch quản lý khủng hoảng là không đủ, cần phải xây dựng một “cơ chế kiểm soát khủng hoảng”, trong đó có hệ thống không chế và hệ thống cảnh báo, mệnh lệnh đối phó khủng hoảng đủ mạnh. Do vậy cần phải tính toán đầy đủ việc xây dựng một tổ chức mang tính quốc gia chịu trách nhiệm xử lý tình huống.

Chúng tôi cho rằng, do lường trước được những mâu thuẫn kinh tế xã hội và đang tích cực thực thi các biện pháp phòng ngừa nên kinh tế Trung Quốc có thể vượt qua được thử thách, tiếp tục phát triển ổn định. Đương nhiên, trong thời đại toàn cầu hoá, tri thức hoá kinh tế, khoa học kỹ thuật phát triển với tốc độ của đôi hài vạn dặm, người ta khó hình dung được cụ thể sự biến chuyển của một nền kinh tế qui mô lớn như Trung Quốc sau 20 năm đầu thế kỷ XXI. Nhưng xem xét điều kiện thế giới và của Trung Quốc, nghiên cứu tính thời đại và tính khả thi của các biện pháp chiến lược mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã lựa chọn, suy nghĩ của chúng tôi trùng hợp với đánh giá của nhiều học giả cho rằng, dù không thể giữ được nhịp độ tăng trưởng như những năm cuối thế kỷ XX nhưng Trung Quốc vẫn thuộc số ít nước có mức tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trên thế giới, quy mô GDP tăng gấp 4 lần trong 20 năm, có sự cạnh tranh ngang ngửa với các cường quốc hàng đầu.

III. Một số suy nghĩ về tác động của sự phát triển kinh tế Trung Quốc đối với Việt Nam

Sự nổi lên rất nhanh của Trung Quốc như là một cường quốc kinh tế đương nhiên sẽ tác động mạnh đến Việt Nam, tốt có, xấu có, tác động tích cực nhiều, tác động tiêu cực cũng lắm, song điều có thể khẳng định rằng mức độ tốt, xấu, tích cực hay tiêu cực lại tùy thuộc rất lớn vào Việt Nam, vào khả năng ứng biến của chúng ta trong việc phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, thậm chí biến mặt tiêu cực thành tích cực, biến thách thức thành vận hội. Với tinh thần tích cực, chủ động biến thách thức thành vận hội đó, chúng tôi nêu lên một số suy nghĩ xoay quanh hai vấn đề: *một là* Việt Nam học tập được gì từ sự phát triển nhanh của Trung Quốc, *hai là* Việt Nam cần có đối sách gì trước sự lớn mạnh vượt bậc của Trung Quốc trong thời gian tới.

1. Làm thế nào để phát triển nhanh liên tục như Trung Quốc:

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia độc lập, khác nhau về nhiều mặt: quốc tình quốc lực, lịch sử, văn hóa, đường lối chính sách... Song so với tất cả các nước kể cả các nước cùng trên bán đảo Đông Dương, thì do những nguyên nhân lịch sử, Việt Nam chúng ta có nhiều điểm gần gũi và tương đồng với Trung Quốc hơn cả. Ngày nay cả hai nước cùng phát triển theo thể chế chính trị định hướng xã hội chủ nghĩa, cả hai nước đều đang chuyển từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường; cả hai nước đều đang trong quá trình công nghiệp hóa đất nước; cả hai nước đều tích cực đổi mới, tích cực chủ động hội nhập quốc tế. Những điểm khác biệt phần lớn đều thuộc về qui mô, trình độ. Chẳng hạn qui mô nền kinh tế Trung Quốc lớn gấp nhiều lần qui mô nền kinh tế Việt Nam, trình độ thị trường hóa, công nghiệp hóa, hội nhập kinh tế toàn cầu của Trung Quốc đều nhỉnh hơn Việt Nam. Nhưng nhìn chung, ngoài qui mô nền kinh tế ra, mức độ chênh lệch về trình độ các mặt trên không quá xa nhau, cả hai đều là các nước đang phát triển. Do vậy những thành công trong cải cách, mở cửa của Trung Quốc cần được xem như những gợi ý tốt cho Việt Nam. Xét trên một ý nghĩa nào đó, họ là người khai phá, ta là người rút kinh nghiệm, điều gì có lợi ta làm, điều gì có hại ta tránh.

Nhìn nhận một cách khách quan, nền kinh tế qui mô của Trung Quốc có thể mạnh cho sự phát triển, song cũng có không ít điều bất lợi. Dân số đông nhưng mức độ chênh lệch về thu nhập rất lớn, đất nước rộng nhưng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng rất sâu. Khi bắt đầu cải cách mở cửa, mức sống của người nông dân miền Tây Trung Quốc không hơn gì nông dân Việt Nam, nếu như không muốn nói rằng nghèo khổ hơn. Ruộng

đất, tài nguyên tự nhiên tính theo đầu người đều thấp hơn Việt Nam. Ấy thế mà chỉ qua hơn 20 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thay đổi bộ mặt đất nước đến mức làm thế giới kinh ngạc. Và kinh ngạc hơn là từ nay đến 2020 Trung Quốc vẫn có thể phát triển với tốc độ cao liên tục nhằm đạt mục tiêu tăng gấp 4 lần GDP và xây dựng được xã hội khá giả vào năm đó. Đầu tàu thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc thời gian qua là vùng duyên hải phía Đông với các đặc khu kinh tế, thành phố mở cửa. Xét về phương diện này, lợi thế Việt Nam đâu có kém, với 2500 km bờ biển có nhiều cảng nước sâu, là cầu nối giữa Đông Bắc á với Đông Nam á, đầu tàu kinh tế vùng duyên hải của Việt Nam chỉ phải kéo những toa tàu phía Tây không quá nặng, tốc độ của con tàu chắc phải nhanh hơn Trung Quốc mới đúng. Tất nhiên có nhiều yếu tố làm hạn chế thuận lợi trên, chẳng hạn Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh kéo dài, trình độ phát triển kinh tế kém hơn Trung Quốc vv... Tuy vậy, cũng cần thực sự cầu thị để thấy rằng Trung Quốc tiến nhanh hơn ta trước hết là do các nguyên nhân liên quan đến đổi mới nhận thức và sáng tạo không ngừng lý luận phát triển.

Một là, họ đã nhận thức đúng đặc trưng của thời đại, nghiên cứu sâu tình hình thế giới, phán đoán đúng các xu hướng phát triển mới của thế giới nói chung, kinh tế thế giới nói riêng; nhận thức và phát hiện được những khả năng một quốc gia đang phát triển như Trung Quốc có thể thu hút ngoại lực để làm tăng nhanh nội lực, tiến nhanh, đuổi kịp các nước phát triển. Tư tưởng “tiến cùng thời đại” bắt nguồn từ đây.

Hai là, chuyển từ “lấy chính trị làm thống soái” sang lấy “phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm”. Lời của nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình: không tranh luận “họ xã hay họ tư”, cái gì có lợi cho sự phát triển sức sản xuất xã hội chủ nghĩa, có lợi cho việc nâng cao đời sống nhân dân, có lợi cho sự phát triển sức mạnh tổng hợp quốc gia đều có thể làm... như một hiệu lệnh cho hơn một tỷ người Trung Quốc vươn lên làm giàu.

Ba là, chuyển từ tư duy đấu tranh giai cấp sang tư duy lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm động lực phát triển. Về mặt lý luận họ đã chuyển từ lý luận về thời kỳ quá độ sang lý luận về giai đoạn đầu của CNXH kéo dài hàng trăm năm ở Trung Quốc, mở ra khả năng mới cho tư duy phát triển.

Bốn là chuyển từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, không ngừng phát triển lý luận về kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Trung ương 3 khóa XVI Đảng CSTQ chuyên bàn về hoàn thiện thị trường xã hội chủ nghĩa Trung

Quốc, đã giải quyết được mắc mớ lâu nay về nhiều vấn đề, mà quan trọng nhất là vấn đề chế độ sở hữu. Họ đã bước đầu tìm ra sự dung hợp đặc sắc giữa chế độ công hữu với chế độ phi công hữu vừa phù hợp với sự phát triển kinh tế thị trường vừa phù hợp với chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn đầu.

Có người cho rằng, Trung Quốc thực chất đi con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng tôi cho rằng, Trung Quốc đang tìm tòi sáng tạo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực từ một nước lạc hậu. Họ rất thực tế, không quá khích cực đoan. Chỉ ít thì họ đã chứng minh được đi con đường XHKN tốt đẹp như thế nào bằng sự tăng trưởng cao liên tục 26 năm qua, vượt kỷ lục này trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Nếu Trung Quốc thực hiện được đúng kế hoạch tăng gấp 4 lần GDP và xây dựng được xã hội khá giả vào năm 2020 thì đây là một minh chứng tuyệt vời về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội: CNXH phải hơn hẳn CNTB về năng suất lao động trong từng giai đoạn phát triển của nó. Đây là cơ sở đảm bảo quan trọng nhất cho sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc .

Năm là, chuyển từ xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo tinh thần tự cấp tự túc, tự lực cánh sinh sang xây dựng nền kinh tế mở cửa hội nhập quốc tế toàn diện.

Sáu là chuyển từ kỳ thị đối với tự do thương mại sang thừa nhận những lợi ích to lớn của tự do hóa thương mại, do đó quyết tâm gia nhập WTO, tích cực tham gia APEC, chủ động xây dựng khu vực mậu dịch tự do Đông Bắc á, Trung Quốc – ASEAN, trở thành đầu tàu thúc đẩy liên kết kinh tế Đông á.

Bảy là, từ thực tiễn xây dựng đất nước, Trung Quốc đã không ngừng sáng tạo lý luận phát triển phù hợp với thực tế trong nước và điều kiện quốc tế mới. Đặc điểm nổi bật của sự phát triển về lý luận phát triển của Trung Quốc là tính liên tục nhờ sự kế thừa có chọn lọc các tư tưởng, lý thuyết có trước, phát huy sáng tạo cái mới của lý thuyết sau. Những lý luận phát triển được thừa nhận, được đưa vào Nghị quyết Đại hội XVI cũng như Hiến pháp sửa đổi của Trung Quốc là: chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng “Ba đại diện” của Giang Trạch Dân. Tư tưởng quan trọng “Ba đại diện” được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội XVI Đảng cộng sản Trung Quốc được đưa vào Hiến pháp Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cho thấy ý nghĩa to lớn của lý thuyết này. Chúng tôi cho rằng cần nghiên cứu kỹ và theo dõi chặt chẽ kết quả vận dụng lý thuyết này trong thực tiễn phát triển Trung Quốc từ nay về sau.

Chuyển biến về nhận thức, sáng tạo về lý thuyết có vai trò rất quan trọng song biến nhận thức lý thuyết thành sức mạnh vật chất và tinh thần cũng quan trọng không kém. Điều có thể nhận thấy khi xem xét các nền kinh tế chuyển đổi trong đó Trung Quốc rất thành công, nước Nga lại thất bại do các liệu pháp sốc. Những bài học chủ yếu từ sự thành công của Trung Quốc có giá trị gợi ý đối với chúng ta có thể như sau:

Một là, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và đi theo chủ nghĩa xã hội. Theo chúng tôi, trong điều kiện hơn một tỷ dân, trình độ phát triển thấp, với niềm tin tuyệt đối vào Đảng Cộng sản và CNXH để làm cách mạng, xây dựng CNXH như Trung Quốc, không thể thay đổi đột ngột niềm tin của họ. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, khẳng định mục tiêu xây dựng CNXH là điều kiện tiên quyết cho sự ổn định một xã hội không lờ về dân số với trình độ dân trí chưa cao này.

Hai là, cải cách kinh tế từ dễ đến khó, từ nông đến sâu, vừa làm vừa tổng kết kiểu “dò đá qua sông”, tổng kết thành lý luận, lấy lý luận chỉ đạo thực tiễn.

Ba là, lãnh tụ có uy tín, được dân tin, từ Đặng Tiểu Bình đến Giang Trạch Dân, nay là Hồ Cẩm Đào đều đạt tiêu chuẩn lãnh tụ “sáng giá” của Trung Quốc, được thế giới nói chung, và hơn một tỷ dân Trung Quốc nói riêng tin tưởng. Ngoài năng lực cá nhân, còn cần chú ý nghiên cứu cơ chế, biện pháp xây dựng lãnh tụ của nước này, từ bỏ cách tổ chức nhìn người nghĩ ra việc, chuyển sang cách tổ chức vì công việc tìm người. Chế độ Tổng Bí thư Đảng đồng thời là Chủ tịch nước, là phù hợp nhất cho sự lãnh đạo đất nước, thuận lợi nhất cho sự phát triển quan hệ quốc tế hiện nay.

Bốn là, chính quyền mạnh, quyết sách đúng theo tinh thần “tiến cùng thời đại”. Dân chúng về cơ bản tôn trọng chính quyền, tôn trọng luật pháp.

2. Việt Nam trước sự lớn mạnh nhanh chóng của Trung Quốc .

Sự lớn mạnh nhanh chóng của Trung Quốc đương nhiên vừa là cơ hội lớn vừa là thách thức lớn đối với Việt Nam. Để có thể khai thác có hiệu quả cơ hội này, hạn chế bớt thách thức hoặc nếu có thể, biến thách thức thành cơ hội, theo chúng tôi Việt Nam cần có sự lựa chọn sau đây:

1/ Chủ động tham gia hợp tác với Trung Quốc, xem Trung Quốc như một thị trường lớn nhiều tiềm năng cho Việt Nam phát triển, cùng Trung Quốc đẩy mạnh tiến trình liên kết kinh tế khu vực.

Nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh, mạnh, Trung Quốc đang chủ động thúc đẩy liên kết kinh tế khu vực, làm cho xu thế này nổi lên mạnh mẽ, không thể ngăn cản, cách tốt nhất có thể được là chủ động tham gia, biến thách thức thành cơ hội để phát triển nhanh. Muốn vậy, trong quan hệ với Trung Quốc phải coi việc phát triển quan hệ kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, mọi hoạt động ngoại giao, chính trị đều xoay quanh nhiệm vụ trung tâm này, làm sao cho Trung Quốc thấy rằng Việt Nam là hạt nhân của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN. Các bước đi có thể là:

+ Chủ động ký hiệp định thương mại song phương với Trung Quốc theo phương án “gặt lúa non” với những điều kiện khích lệ đối tác hơn cả Hiệp định thương mại song phương Trung Quốc – Thái Lan.

+ Chủ động cùng Quảng Tây (được Trung Quốc giao chức năng tỉnh trọng điểm, cầu nối Trung Quốc – ASEAN) triển khai các dự án hợp tác trên các mặt. Trước mắt là đẩy mạnh dự án khu vực mậu dịch tự do biên giới Việt – Trung lấy cặp cửa khẩu Tân Thanh – Pò Chải làm thí điểm.

+ Chủ động cùng Trung Quốc xây dựng tam tứ giác phát triển Hà Nội – Côn Minh – Nam Ninh – Hải Phòng lập các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sắt, đường bộ, coi đây là cửa ngõ quan trọng để Việt Nam khai thác lợi thế từ chiến lược đại khai phá miền Tây của Trung Quốc.

+ Các bước đi trên là cần thiết, song cũng cần thấy rằng, Quảng Tây và Vân Nam là hai tỉnh “vùng sâu vùng xa” của Trung Quốc, tiềm lực kinh tế có hạn, cần mở rộng quan hệ với vùng Hoa Nam Trung Quốc, trọng điểm là Thượng Hải, Quảng Đông, Hồng Kông, tạo nguồn lực lớn cho các bước đi trên.

2/ Lấy Nhật Bản, Mỹ, EU làm trọng điểm thu hút FDI công nghệ cao, tăng nhanh năng lực sản xuất hàng công nghiệp có khả năng cạnh tranh cao. Theo chúng tôi, trước mắt Nhật Bản là đối tác quan trọng hàng đầu, tiếp đến Mỹ, EU trong việc thu hút FDI. Cần sáng tạo những điều kiện hấp dẫn đặc biệt đối với FDI công nghệ cao. Chúng tôi cho rằng, các đối tác trên, đặc biệt là Mỹ, Nhật Bản vẫn coi trọng địa bàn Việt Nam chỉ ít cũng vì muốn giảm thiểu độ rủi ro khi dồn quá nhiều FDI vào Trung Quốc; dùng địa bàn Việt Nam làm nơi đầu tư, họ vẫn có khả năng khai thác được thị trường rộng lớn của Trung Quốc. Xa hơn nữa, các đối tác trên muốn hạn chế ảnh hưởng quá lớn của Trung

Quốc đối với khu vực, khi Việt Nam có thể là “cửa ngõ” để Trung Quốc tiến mạnh vào khu vực thì các đối tác trên cũng hiểu rằng, không thể bỏ ngõ địa bàn này cho Trung Quốc mặc sức hành động. Đây là lợi thế địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam trong việc thu hút FDI của các đối tượng trên. Nếu nguồn FDI của các đối tác trên vào chưa mạnh, chúng ta cần rà soát lại các chính sách, xem xét các điều kiện, môi trường đầu tư của chúng ta.

Phương án chủ động hợp tác với Trung Quốc như trên chắc chắn sẽ khó đi vào cuộc sống nếu chúng ta không giải đáp được câu hỏi: sự hợp tác đó có đẩy nền kinh tế nước ta lệ thuộc quá nặng vào Trung Quốc không? Chúng ta có thể xây dựng được nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện liên kết kinh tế khu vực mạnh như dự báo không? Câu trả lời của chúng tôi là tích cực, lạc quan, rằng Việt Nam hoàn toàn có khả năng phát triển nhanh, và chỉ có thể mới giữ được độc lập tự chủ. Cơ sở lập luận của chúng tôi là:

+ Nếu chúng ta chống lại xu hướng liên kết kinh tế trên, nhiều khả năng sẽ bị nhấn chìm, đừng nói gì đến độc lập tự chủ.

+ Nếu chúng ta thụ động, nước chảy bèo trôi, chúng ta vẫn có khả năng phát triển, song đó sẽ là sự phát triển phụ thuộc nặng vào nền kinh tế khổng lồ này.

+ Nếu chúng ta chủ động hợp tác với Trung Quốc, cùng Trung Quốc đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực, khả năng phát triển nhanh, giữ vững được độc lập tự chủ sẽ có nhiều nếu chúng ta lợi dụng hiệu quả xu thế toàn cầu hóa kinh tế, mở cửa thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài, trọng tâm là FDI công nghệ cao của Nhật Bản, Mỹ, EU, phát triển nhanh sản xuất hàng công nghiệp có khả năng cạnh tranh cao để xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

